

Số: *1032* /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày *14* tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nạo vét vật liệu bồi lắng lòng hồ chứa nước Láng Nhót” tại xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4003/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường; và Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh về việc sắp xếp cơ cấu của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nạo vét vật liệu bồi lắng lòng hồ chứa nước Láng Nhót” tại xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa họp ngày 06 tháng 01 năm 2022;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nạo vét vật liệu bồi lắng lòng hồ chứa nước Láng Nhót” tại xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 43/CT-

QLNCT ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 134/TTr-STNMT-CCBVM ngày ... tháng 4 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nạo vét vật liệu bồi lắng lòng hồ chứa nước Láng Nhót” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Quỹ BVMT tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Diên Khánh;
- UBND xã Diên Tân;
- Chủ dự án;
- Lưu: VP+TL. 9



Nguyễn Anh Tuấn

PHỤ LỤC**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“NẠO VÉT VẬT LIỆU BỒI LẮNG LÒNG HỒ CHỨA NƯỚC LÁNG NHỚT”
TẠI XÃ DIÊN TÂN, HUYỆN DIÊN KHÁNH, TỈNH KHÁNH HÒA**

(Kèm theo Quyết định số... /QĐ-UBND ngày... tháng... năm 2022
của UBND tỉnh Khánh Hòa)

1. Thông tin về dự án:**1.1. Thông tin chung:**

- Tên dự án: Nạo vét vật liệu bồi lắng lòng hồ chứa nước Láng Nhót
- Địa điểm thực hiện: xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa.

+ Địa chỉ: Số 111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

+ Điện thoại: (0258) 3827 041

+ Đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Thái Hùng; Chức vụ: Giám đốc.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích nạo vét: 21,06 ha, gồm 2 khu (Khu I là 15,615 ha; Khu II là 5,445 ha).
- Bề dày nạo vét: từ 0,7 ÷ 1,2 mét (trung bình là 1,0 mét).
- Tổng khối lượng nạo vét cả 02 khu là 180.000 m³, trong đó cát tận thu làm vật liệu xây dựng thông thường là 116.764 m³, vật liệu san lấp là 63.236 m³.
- Công suất nạo vét: 90.000 m³/năm vật liệu nguyên khối.
- Thời gian thực hiện: 2,2 năm kể từ ngày được cấp giấy phép nạo vét.

1.3. Công nghệ nạo vét:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Công nghệ sử dụng chính trong giai đoạn thi công xây dựng chủ yếu là sử dụng máy xúc thủy lực gàu ngược bánh xích loại 0,7m³, máy ủi 225 CV, ô tô tải loại 7 tấn.

- Giai đoạn nạo vét: gồm các dạng công tác với công nghệ chính sử dụng như sau:

+ Khu vực mặt nước: nạo vét bằng ghe hút loại nhỏ 5 m³, vận chuyển trực tiếp bằng ghe hút, bơm dỡ tải lên bãi trữ.

+ Khu vực bãi bồi phơi lộ ven bờ: đào mức bằng máy xúc thủy lực gàu ngược bánh xích 0,7 m³; vận chuyển bằng xe tải loại 7 tấn theo đường thi công về tập kết tại bãi trữ.

+ Vật liệu nạo vét được chuyển vào bãi chứa sau đó qua 03 bể lắng theo phương pháp tự chảy, nước thải sau lắng lọc được xả xuống suối Nhỏ.

+ Vật liệu tận thu sau khi nạo vét (rỉ nước xong) được sàng tuyển bằng máy sàng chạy điện, phân loại ra cát làm vật liệu xây dựng thông thường và vật liệu san lấp, sau đó vận chuyển đi tiêu thụ bằng ô tô tải loại 7 tấn.

- Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường: công nghệ sử dụng là các thiết bị máy xúc, máy ủi, ô tô vận tải phục vụ cho hoạt động tháo dỡ, san lấp, vận chuyển.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Công trình nạo vét lòng hồ: dùng ghe bơm hút loại nhỏ ở khu vực mặt nước, kết hợp đào mức bằng máy xúc ở khu vực bãi bồi phơi lộ ven bờ.

- Bãi trữ: diện tích 5.695 m² phục vụ tập kết vật liệu nạo vét; bể chứa có dung tích khoảng 1.000 m³; 03 bể lắng, lọc có dung tích mỗi bể khoảng 350 m³.

- Hệ thống xử lý nước rỉ từ vật liệu nạo vét: 03 bể lắng trữ vật liệu nạo vét và văn phòng thi công.

- Sàng tuyển vật liệu nạo vét: máy sàng tuyển có lưới sàng lỗ vuông, chạy điện; loại bỏ rác, đất, đá, sỏi lớn, sét bột, bùn,..., tách ra 2 nhóm cát làm VLXDTT và vật liệu san lấp.

- Vận chuyển vật liệu: vận chuyển vật liệu vào bãi trữ bằng ghe hút và ô tô tải loại 7 tấn; vận chuyển vật liệu sau nạo vét đi tiêu thụ bằng ô tô tải loại 7 tấn.

- Công trình nhà văn phòng có diện tích khoảng 60 m² (nhà điều hành, kho nhiên liệu, nhà ăn sinh hoạt tập thể, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh).

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

Các tác động môi trường chính của dự án chủ yếu bụi, khí thải, chất thải rắn, tiếng ồn, nước mưa chảy tràn, nước thải trong quá trình thi công, chất thải rắn do phát quang bụi rậm cây cối, chất thải rắn trong quá trình nạo vét,...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Thành phần trong nước thải sinh hoạt chủ yếu BOD₅, SS và dầu mỡ, các hàm lượng như tổng N, tổng P, ...; Lượng nước thải phát sinh tối đa khoảng 1,71 m³/ngày đêm.

- Nước rỉ từ vật liệu nạo vét: Lượng nước thải ước tính 540 m³/ngày.

2.3. Quy mô, tính chất chất thải rắn, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sản xuất: trong quá trình nạo vét sẽ phát sinh các tạp chất như bùn, cành cây, các vật liệu khác, ... được sàng lọc tập trung tại bãi chứa. Khối lượng khoảng 20.000 m³/năm tạp chất chủ yếu là bùn, cây, sỏi...

- Chất thải rắn sinh hoạt: lượng chất thải rắn sinh hoạt trung bình 18,4 kg/ngày.

- Chất thải nguy hại: Lượng dầu nhớt thải ra từ các phương tiện vận chuyển và thi công cơ giới trung bình 7 lít/lần thay (3- 6 tháng thay nhớt/lần). Như vậy, lượng dầu nhớt thải tối đa là 28 lít/tháng và không thường xuyên. Khối lượng giẻ lau nhiễm dầu khoảng 10kg/tháng.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

- Công trình xử lý nước rỉ thải từ vật liệu nạo vét: Bể chứa vật liệu nạo vét → Nước rỉ từ vật liệu nạo vét → Bể lắng 1 → Bể lắng 2 → Bể lắng 3 → Suối Nhỏ. Các bể được lót bạt, thông nhau bằng ống nhựa Φ200 mm nhằm tạo mực nước tĩnh trên bề mặt để lắng; Phần nước sau khi qua Bể lắng 3 sẽ được dẫn vào mương tự chảy, tập trung tại hố ga ở góc Đông Bắc khu bãi trữ, chảy qua cống Φ600 mm đặt ngầm dưới đường đất rồi thoát ra suối Nhỏ. Phần bùn lắng thu được sau quá trình lắng định kỳ thu gom, đưa đi tiêu thụ.

- Công trình thu gom và thoát nước mưa: gồm các mương thoát nước bao quanh bãi trữ, thoát nước theo phương pháp tự chảy, tập trung tại hố ga ở góc Đông Bắc khu bãi trữ, qua cống Φ600 mm đặt ngầm dưới đường đất rồi thoát ra suối Nhỏ.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân có lưu lượng không lớn, nhưng có nồng độ ô nhiễm cao, nên Đơn vị quản lý hồ sẽ yêu cầu đơn vị thi công nạo vét lắp đặt các nhà vệ sinh lưu động cho dự án, các loại xe vệ sinh này không được xả nước thải ra ngoài, sau một thời gian đầy các thùng chứa, các xe này sẽ có xe

hầm cầu đến hút phân đem đi, sử dụng nhà vệ sinh lưu động nhựa Composite để phục vụ sinh hoạt của công nhân, số lượng nhà xí trong xe là 2 cho nam và 1 cho nữ.

- Nước thải từ quá trình thi công xây dựng: Các kho chứa và bảo quản xăng, dầu và các vật liệu độc hại sẽ được bố trí xa nguồn nước. Tổ chức quản lý, ngăn chặn sự cố rò rỉ xăng, dầu, vật liệu độc hại xuống hồ; Không đổ chất thải rắn (chất thải xây dựng, cát, đá...) và chất thải dầu cặn của máy móc, thiết bị xuống dòng chảy hồ, mọi loại chất thải phải được thu gom, phân loại và chuyển đến vị trí đổ thải theo quy định.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Giảm thiểu tác động đối với các phương tiện, máy móc, thiết bị thi công: Tất cả các xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới được kiểm định tại Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường định kỳ 6 tháng/lần; Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị máy móc, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt trước khi vận hành; Tuyển các công nhân vận hành máy móc có kinh nghiệm và được tập huấn về an toàn lao động cũng như các biện pháp bảo vệ môi trường.

- Không chế và giảm thiểu tác động do hoạt động vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu: Các phương tiện đi ra khỏi công trường được vệ sinh sạch sẽ tránh vương vãi đất ra đường; Sử dụng bạt lớn để che phủ các xe chở nguyên vật liệu trong quá trình vận chuyển; Các tài xế vận chuyển nguyên vật liệu nào vết có chế tài nếu xảy ra các vi phạm phóng nhanh vượt ẩu, chở quá tải, ... và các vi phạm an toàn giao thông; Lập biển báo công trường xây dựng tại cổng ra vào khu vực đường từ hồ ra đường nhựa dân sinh nhằm phòng tránh tai nạn giao thông; Sử dụng 01 xe bồn tưới nước (dung tích chứa 04 m³/xe, hoạt động 250 ca/năm); tưới nước trên đường thi công, vận chuyển. Phạm vi phun nước, giảm bụi tập trung vào toàn bộ đoạn đường vận chuyển qua tuyến đường bê tông liên xã, tuyến đường đất dài khoảng 2 km nối từ bãi trữ ra HL62 với tần suất 2 lần/ngày; vào mùa khô, những ngày nắng nóng cao điểm tăng lên 4 lần/ngày; Đối với các vật liệu gây ô nhiễm cao (cát xây dựng), áp dụng phương pháp bốc dỡ ướt nhằm hạn chế tác động tới môi trường.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Tất cả rác sinh hoạt từ khu vực nhà tạm cho công nhân được thu gom và tập trung vào các thùng chứa có dung tích 120 lít.

Chủ đầu tư sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt của xã Diên Tân để thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định; Ưu tiên sử dụng công nhân tại địa phương nhằm hạn chế bớt những tác động đến môi trường; Yêu cầu các công nhân không xả rác bừa bãi sau các bữa ăn; Thường xuyên quét dọn, vệ sinh sạch sẽ tại khu lán trại, không để rác thải rơi vãi, phát tán ra khu vực xung quanh; Tuyên truyền, nhắc nhở công nhân bỏ rác đúng nơi quy định, đặc biệt không vứt rác bừa bãi xuống hồ.

- Chất thải rắn xây dựng: Tất cả các chất thải xây dựng sẽ được thu gom và lưu chứa tại vị trí phù hợp trong khu vực đất Dự án để tận dụng bán cho các hộ trồng cây, sử dụng cho công tác san lấp mặt bằng, các cành cây làm củi đốt; Tại khu vực thi công, sau khi kết thúc công việc mỗi ngày, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu xây dựng bố trí 1-2 công nhân vệ sinh chịu trách nhiệm thu gom, phân loại các loại rác thải sinh hoạt, chất thải nguy hại và chất thải xây dựng (không chứa chất thải nguy hại); Việc phân loại, lưu giữ và xử lý chất thải rắn xây dựng sẽ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Thu gom 100% giẻ lau dính dầu mỡ vào các thùng chứa có nắp đậy đặt trong nhà kho; Trang bị 1-2 thùng chứa dầu mỡ loại 100 - 200 lít đặt tại nhà container để thu gom toàn bộ khối lượng chất thải nguy hại phát sinh sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định; Chất thải nguy hại được thu gom, lưu trữ theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung: Không tiến hành vận chuyển vào các giờ cao điểm, giờ nghỉ ngơi của người dân (giờ họp chợ từ 5h-7h, giờ tan sở từ 11h30 - 13h30 và giờ nghỉ ngơi từ 22h - 5h sáng hôm sau); Trang bị đầy đủ nút bịt tai chống ồn và găng tay chống rung cho các công nhân trực tiếp vận hành máy móc thi công để hạn chế ảnh hưởng đến sức khỏe; Thường xuyên kiểm tra hoạt động của máy móc. Định kỳ bảo dưỡng, bôi trơn các ô trục để hạn chế phát sinh tiếng ồn lớn; Đẩy nhanh tiến độ thi công để hạn chế việc tập trung nhiều máy móc thiết bị hoạt động đồng thời gây tác động cộng hưởng từ nhiều nguồn gây ồn; Kiểm soát mức độ ảnh hưởng của tiếng ồn

và rung động bằng cách tổ chức giám sát môi trường định kỳ 3 tháng/ lần để có điều chỉnh kịp thời các biện pháp giảm thiểu.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do sự cố sụt lún, trượt lở bờ hồ: Công ty tiến hành nạo vét theo hình thức cuốn chiếu làm từng phần sau đó theo dõi diễn biến đường bờ sau đó tiếp tục nạo vét hết chiều sâu cấp phép nếu không có sự cố xảy ra; Đảm bảo giới hạn chiều sâu nạo vét không quá 1,2m. Không nạo vét tại các khu vực hiện đang bị trượt lở; Tuân thủ các quy định về an toàn, bảo vệ hành lang đường bờ đối với các công trình, kiến trúc dọc theo hai bờ hồ và trên hồ; Khu vực nạo vét sau khi đã được khoanh định và cấp phép cần phải định giới rõ ràng như: đánh dấu trên bờ bằng các hệ thống cột mốc và trên mặt nước bằng các phao sơn màu. Các hệ thống cột mốc phải có dấu mực nước chuẩn và cách vách bờ hồ ở những khoảng thích hợp để có cơ sở đánh giá mức độ xói lở bờ hồ.

3.6. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

3.6.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được lựa chọn thực hiện

Đối với các công trình phục vụ nạo vét sẽ tháo dỡ, hoàn trả mặt bằng, tái tạo thảm thực vật và môi trường phù hợp với trạng thái môi trường ban đầu; sửa chữa, cải tạo các vị trí bị hư hỏng trên những đoạn đường giao thông vận chuyển. Nếu xảy ra sạt lở bờ hồ thuộc phạm vi nạo vét phải tiến hành gia cố ngay đoạn bờ sạt lở.

Các hạng mục công việc gồm: San lấp mặt bằng khu vực bãi trữ, tuyến đường thi công; Trồng cây xanh khu vực bãi chứa và tuyến đường thi công qua đất trồng rừng sản xuất; Tháo dỡ các công trình dân dụng; Cải tạo tuyến đường vận chuyển vật liệu nạo vét

3.6.2. Khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường

- Trong khu vực dự án: Di dời toàn bộ thiết bị thi công khoảng 110 tấn; San lấp bằng phẳng trả lại địa hình hiện trạng ban đầu khu vực xử lý nước rỉ từ vật liệu nạo vét là 3 bể lắng và bể chứa vật liệu nạo vét; San gạt hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải sản xuất; San ủi tuyến đường thi công là 4.320 m³; Trồng cây xanh khu vực bãi trữ, tuyến đường thi công qua đất trồng rừng sản xuất là 1.358 cây; Tháo dỡ toàn bộ các công trình; Hút hầm vệ sinh khoảng 5 lần.

- Tuyến đường vận chuyển ngoài dự án: Đường đất cấp phối 225 m²; Đường bê tông liên xã 275 m²; Đặt cống bê tông thoát nước trên đường đất 5 m.

3.6.3. Kế hoạch thực hiện

- Cải tạo môi trường, thực hiện trong thời điểm thi công dự án (hút hầm vệ sinh, sửa chữa các tuyến đường bê tông liên xã, đường đất cấp phối liên quan).

- Phục hồi môi trường, thực hiện ngay sau khi kết thúc dự án (tháo dỡ, dọn dẹp, san lấp để hoàn trả mặt bằng; trồng cây xanh; sửa chữa các tuyến đường bê tông liên xã, đường đất cấp phối liên quan).

- Tổng thời gian cải tạo, phục hồi môi trường dự kiến là 01 tháng, gồm 2 giai đoạn:

+ Năm thứ nhất: Hút hầm vệ sinh 2 lần; Sửa chữa đường đất cấp phối 100 m², đường bê tông liên xã 120 m²; đặt cống bê tông thoát nước trên đường đất dài 5 mét.

+ Năm thứ hai: San gạt mặt bằng khu vực bãi trữ là 2.140 m³; San gạt mặt bằng tuyến đường thi công là 4.320 m³; Trồng cây keo lá tràm trong khu vực bãi trữ là 1.358 cây; Trồng cây keo lá tràm trong đoạn đường thi công qua đất trồng rừng sản xuất là 260 cây; Tháo dỡ, trả lại mặt bằng công trình phụ trợ là 60 m²; Sửa chữa đường đất cấp phối 125 m², đường bê tông liên xã 150 m²; Di dời thiết bị thi công khoảng 110 tấn; Hút hầm vệ sinh khoảng 5 lần.

3.6.4. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng số tiền ký quỹ (chưa bao gồm yếu tố trượt giá) bằng tổng kinh phí của các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường là **301.283.866 đồng**.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu (chưa tính yếu tố trượt giá) là 75.320.966 đồng.

+ Số tiền ký quỹ năm thứ 2 (chưa tính yếu tố trượt giá) là 225.962.899 đồng.

- Đơn vị nhận ký quỹ: ký quỹ tại Quỹ bảo vệ Môi trường tỉnh Khánh Hòa – 14 Hoàng Hoa Thám, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Số Tài khoản: 601.10.000.649.379 tại ngân hàng Đầu tư và Phát triển Khánh Hòa.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

STT	Tên bể	Số lượng (cái)	Kích thước (m)	Thể tích (m ³)	Lưu lượng đầu ra (m ³ /h)	Ghi chú
1	Bể chứa vật liệu nạo vét	01	40 x 25 x 01	1.000	300	Có lót bạt; Chứa vật liệu nạo vét để lắng nước rỉ

2	Bể lắng 1	01	25 x14 x 01	350	300	Có lót bạt; Lắng lắng bùn hạt thô
3	Bể lắng 2	01	25 x14 x 01	350	300	Có lót bạt; Lắng bùn hạt vừa
4	Bể lắng 3	01	25 x14 x 01	350	300	Có lót bạt; Lắng bùn hạt mịn lắng lọc than hoạt tính

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Chương trình quản lý môi trường của dự án

Nội dung cụ thể được trình bày tại Mục 5.1 Chương 5 báo cáo đánh giá tác động môi trường của Đề án.

5.2. Chương trình giám sát môi trường của dự án:

5.2.1. Giám sát môi trường nước thải

- Nước thải chủ yếu là nước rỉ thải từ vật liệu nạo vét, được thu gom, xử lý qua hệ thống 03 bể lắng tại bãi tập kết trước khi xả vào suối Nhỏ.

- Vị trí giám sát nước thải: 01 vị trí tại Bể chứa và 01 vị trí tại Bể lắng 3.

- Thông số: pH, TSS, BOD₅, COD, Amoni, Tổng N, Tổng P, Mn, Fe, As, Dầu mỡ khoáng, E.Coli, Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: Cột A, QCVN 40:2011/ BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Tần suất: 3 tháng/lần.

5.2.2. Giám sát chất lượng không khí

- Thông số khảo sát: SO₂, NO₂, CO, HC, độ ồn.

- Tiêu chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2013: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

+ QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- Vị trí giám sát:

TT	Địa điểm dự kiến	Tọa độ		Số hiệu mẫu	Tần suất (tháng/lần)
		X (m)	Y (m)		
1	Đầu Đông Bắc khu bãi trừ ra đường đất	1352680	579102	K1	3
2	Khu dân cư thôn Đá Mài kề tuyến đường vận chuyển vật liệu	1353557	579245	K2	3

5.2.3. Giám sát chất lượng nước mặt

- Thông số giám sát: pH, TSS, COD, BOD₅, DO, Fe, Amoni (NH₄⁺), Phosphat (PO₄³⁻), Nitrit (NO₂⁻), Nitrat (NO₃⁻), Thủy ngân (Hg), Cadimi (Cd), Asen (As), Crom (Cr), Kẽm (Zn), Chì (Pb), Đồng (Cu), tổng dầu mỡ, coliforms, E.coli.

- Tiêu chuẩn so sánh: Quy chuẩn QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt.

- Vị trí giám sát:

STT	Địa điểm dự kiến	Tọa độ		Số hiệu mẫu	Tần suất (tháng/lần)
		X (m)	Y (m)		
1	Cửa công lấy nước, chân đập chính	1352880	579694	NM1	3

5.2.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

Giám sát khối lượng phát sinh; phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh.

6. Các điều kiện khác liên quan đến môi trường

- Trong quá trình thực hiện dự án, Chủ dự án phải thực hiện nghiêm túc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường không khí, đất, nước khu vực dự án và các công trình lân cận. Thực hiện việc phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và hoạt động của các dự án xung quanh, khu dân cư

Chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động của Dự án, tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, thông báo khẩn cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Diên Khánh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh để được chỉ đạo và phối hợp xử lý; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, khối lượng được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép; Khai thác theo quy định của pháp luật, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành.

- Chủ dự án phải thực hiện ký quỹ bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 137 Luật Bảo vệ môi trường 2020. Số tiền ký quỹ có tính tới yếu tố trượt giá được chủ dự án tự kê khai, nộp tiền ký quỹ và thông báo cho quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Khánh Hòa.

- Trường hợp giấy phép khai thác có thời hạn khai thác khác với thời gian đã tính trong phương án đã phê duyệt thì chủ dự án điều chỉnh nội dung và tính toán số tiền ký quỹ theo thời gian trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp và gửi UBND tỉnh để xem xét, điều chỉnh.

- Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 trước khi dự án vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các thủ tục trước khi triển khai thực hiện dự án để cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận dự án; cấp, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản; Cấp, điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với dự án có hạng mục xây dựng công trình thuộc đối tượng phải có giấy phép xây dựng...theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật bảo vệ môi trường 2020 và quy định pháp luật khác có liên quan.

- Nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường không bao gồm khối lượng nạo vét (cát, sỏi) mang ra ngoài phạm vi thực hiện dự án. Trường hợp chủ dự án mang ra ngoài phạm vi thực hiện, đề nghị chủ dự án tuân thủ các quy định liên quan đến Luật Khoáng sản và lập hồ sơ môi trường theo quy định.

- Báo cáo công tác thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường về UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) được gửi tới các cơ quan quản lý (UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Diên Khánh) trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo.

- Trong quá trình triển khai Dự án, Chủ Dự án có những thay đổi quy định tại Khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 phải có văn bản báo cáo gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi được UBND tỉnh chấp thuận./.

